

SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 26-03-2015

Số CV đến:.....955

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG SẢN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU CẦN THƠ**

**Báo cáo tài chính riêng
đã kiểm toán**
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Chủ tịch Hội Đồng Quản trị	1 - 5
2. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán	8 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh	11 - 13
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	14
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài kết thúc vào ngày 31/12/2014.

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Lê Văn Lung	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Đức Toàn	Phó chủ tịch
- Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
- Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên

Trong năm 2014, không có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Lâm Ngọc Quang	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Ủy viên
- Ông Nguyễn Thành Nghiệp	Ủy viên

Trong năm 2014, Công ty không có thay đổi thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính nêu trên bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Lê Văn Lung	Tổng Giám đốc
- Ông Trần Phước Thuận	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 150 - 152 -154 đường Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì;
- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Thới Thạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155188 cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng lúa;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Thuộc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú;
- Sản xuất dây dềp;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá lao chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng dệt may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giày dép, hàng da và giả da.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chỉ bao gồm xuất khẩu nông sản, lương thực, thực phẩm và sản xuất bao bì carton để đóng gói hàng xuất khẩu và kinh doanh nội địa.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 8 đến trang 31.

Các kết quả tài chính

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(700.214.711) VND
- Lợi nhuận khác	2.558.021.929 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.857.807.218 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	- VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.857.807.218 VND

Năm 2014, Công ty không thu nhập chịu thuế do lợi nhuận trước thuế sau khi trừ đi các khoản thu nhập được chia từ các khoản góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết thì lỗ 333.396.745 đồng.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt tại Cần Thơ được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 cho Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền

AS7
HI N
CÓN
H XH
IỂM
SAO
EU

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Cần Thơ, ngày 02 tháng 03 năm 2015

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

LÊ VĂN LUNG



Số: 12/2015/SVCT - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công Ty Cổ Phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ ("Công ty") được lập ngày 02 tháng 01 năm 2015 từ trang 8 đến trang 31 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Thị Thiên Nga

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2013-107-1

Thay mặt và đại diện

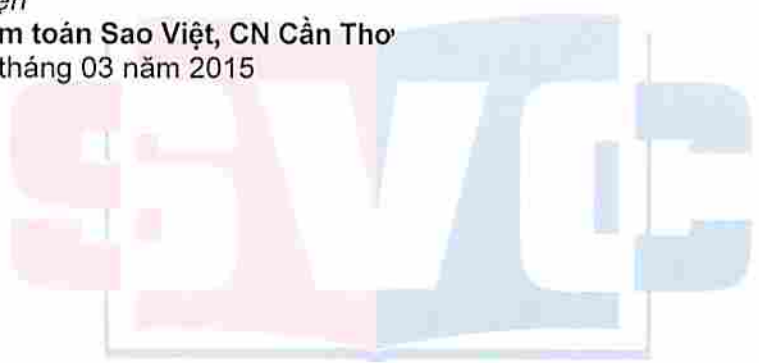
Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, CN Cần Thơ

Cần Thơ, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Phạm Văn Giới

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0178 -2013-107-1



VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

292/33/33 Bình Lợi, P.13 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax: (84-8) 3553 3732
Email: saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

137 Trần Hưng Đạo, P.An Phú, Q.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: (0710) 3765 999 * Fax: (0710) 3765 766
Email: svc-ct@vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.822.343.260	119.801.153.866
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>34.468.214.683</i>	<i>55.534.385.871</i>
1. Tiền	111		3.718.214.683	6.834.385.871
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.750.000.000	48.700.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>21.501.843.665</i>	<i>22.379.250.431</i>
1. Phải thu khách hàng	131		22.373.310.283	15.394.254.674
2. Trả trước cho người bán	132		2.428.800.000	10.485.262.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.300.266.618)	(3.500.266.618)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.3</i>	<i>54.776.513.944</i>	<i>41.422.397.399</i>
1. Hàng tồn kho	141		54.776.513.944	41.422.397.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.4</i>	<i>1.075.770.968</i>	<i>465.120.165</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		781.449.662	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		84.030.038	80.752.538
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		210.291.268	384.367.627
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.715.351.816	61.808.156.017
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>47.526.423.277</i>	<i>51.906.789.100</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	36.432.537.277	40.812.903.100
- Nguyên giá	222		55.613.556.931	55.352.828.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.181.019.654)	(14.539.925.656)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	11.093.886.000	11.093.886.000
- Nguyên giá	228		11.093.886.000	11.093.886.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.7</i>	<i>9.833.043.410</i>	<i>9.833.043.410</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.902.544.457	3.902.544.457
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.233.043.410	8.233.043.410
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.600.000.000	1.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.902.544.457)	(3.902.544.457)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	<i>V.8</i>	<i>355.885.129</i>	<i>68.323.507</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		355.885.129	68.323.507
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.537.695.076	181.609.309.883

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

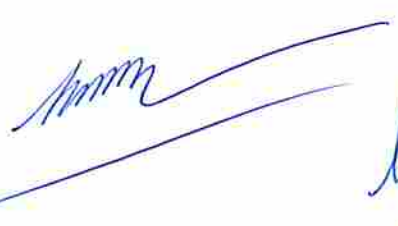
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.469.285.868	43.141.370.953
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		29.469.285.868	43.141.370.953
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	26.770.176.983	39.514.760.639
2. Phải trả người bán	312	V.10	1.795.647.590	1.264.530.885
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	212.460.000	1.433.169.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	59.356.946	143.428.059
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	97.200.799	198.970.464
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		534.443.550	586.511.813
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.068.409.208	138.467.938.930
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.13	140.068.409.208	138.467.938.930
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.906.730.818	16.692.525.692
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.294.070.662	2.200.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.867.607.728	9.575.413.238
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169.537.695.076	181.609.309.883

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.755,19	164.348,42
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


 Nguyễn Minh Phương
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Phượng
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Lung
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Mẫu số : B 02 - DN


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		493.014.529.054	482.250.640.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	493.014.529.054	482.250.640.102
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	478.826.278.422	467.188.157.357
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	14.188.250.632	15.062.482.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.815.000.606	8.256.097.303
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.957.112.734	2.089.520.780
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.872.287.259	2.089.520.780
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	10.046.302.303	13.801.697.332
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	6.700.050.912	7.140.010.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(700.214.711)	287.351.446
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.843.070.000	1.689.516.428
12. Chi phí khác	32	VI.7	285.048.071	95.454.636
13. Lợi nhuận khác	40		2.558.021.929	1.594.061.792
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	1.857.807.218	1.881.413.238
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	1.857.807.218	1.881.413.238
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		169	171


 Nguyễn Minh Phương
 Người lập


 Nguyễn Thị Ngọc Phượng
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Lung
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	477.540.221.299	461.093.247.731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	477.540.221.299	461.093.247.731
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	463.997.976.237	447.749.829.526
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	13.542.245.062	13.343.418.205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.810.940.708	7.731.837.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	2.253.233.150	2.086.375.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.171.296.605	2.086.375.468
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	10.046.302.303	13.801.697.332
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.821.483.991	5.982.044.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		232.166.326	(794.862.505)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.843.070.000	1.689.516.428
12. Chi phí khác	32	VI.7	285.048.071	95.454.636
13. Lợi nhuận khác	40		2.558.021.929	1.594.061.792
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	2.790.188.255	799.199.287
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	2.790.188.255	799.199.287
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		254	73

Nguyễn Minh Phương
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Lê Văn Lung
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.474.307.755	21.157.392.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	15.474.307.755	21.157.392.371
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	14.828.302.185	19.438.327.831
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	646.005.570	1.719.064.540
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	4.059.898	1.220.173.549
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	703.879.584	699.058.637
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		700.990.654	695.913.325
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	878.566.921	1.157.965.501
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(932.381.037)	1.082.213.951
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	(932.381.037)	1.082.213.951
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	(932.381.037)	1.082.213.951
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.010)	2.333

Nguyễn Minh Phương
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Phượng
Kế toán trưởng

Lê Văn Lung
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015




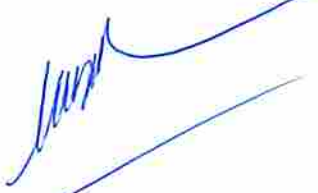
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**


(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	487.837.968.032	497.783.365.718
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(497.050.550.321)	(508.150.738.718)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.652.588.038)	(5.688.722.686)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(3.236.808.263)	(4.918.378.118)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.199.490)	(3.786.543.894)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	12.260.849.387	6.226.247.976
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.586.677.774)	(27.293.105.799)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.431.006.467)	(45.827.875.521)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.392.265)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.200.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.247.611.906	7.146.172.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.435.219.641	7.146.172.760
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	251.620.837.332	277.343.555.639
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(264.717.973.742)	(281.121.105.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.097.136.410)	(3.777.549.361)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(21.092.923.236)	(42.459.252.122)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	55.534.385.871	97.947.099.028
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.752.048	46.538.965
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.468.214.683	55.534.385.871


Nguyễn Minh Phương
 Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Phương
 Kế toán trưởng


Lê Văn Lung
 Tổng Giám đốc
 Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông sản Thực phẩm Xuất khẩu Cần Thơ là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155188 cấp lần đầu ngày 09 tháng 08 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/10/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 110.000.000.000 tương ứng 11.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 và theo tỷ lệ như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	10.814.450	108.144.500.000	98,31%
- Cổ đông khác	185.550	1.855.500.000	1,69%
Cộng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%

Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2014 là 110.000.000.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 150 - 152 -154 đường Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp sản xuất kinh doanh bao bì;
- Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Thới Thạnh.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

4. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng lúa;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; xay xát và sản xuất bột thô;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Thuốc, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú;
- Sản xuất dây dép;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng dệt may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ đóng gói;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giày dép, hàng da và giả da.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này chỉ bao gồm xuất khẩu nông sản, lương thực, thực phẩm và sản xuất bao bì carton để đóng gói hàng xuất khẩu và kinh doanh nội địa.

5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm 2014 được bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 31/12/2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT – BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho Cuối năm: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không có hàng hóa tồn kho lỗi thời, giảm giá, chậm luân chuyển cần trích lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất dài hạn	Không trích khấu hao

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm tài chính này, không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí thực tế như: chi phí sửa chữa lớn, chi phí công cụ dụng cụ... đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Công ty trích quỹ tiền lương tính vào chi phí theo Tờ trình số 05/TT – NS ngày 30/01/2015 đã được Hội đồng quản trị thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là doanh thu được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập và tờ khai hàng xuất khẩu khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

10. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng tại Công ty là 22%.

Năm 2014, Công ty không có thu nhập chịu thuế do lợi nhuận trước thuế sau khi trừ đi các khoản thu nhập được chia từ các khoản góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết thì lỗ 333.396.745 đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm tài chính 2014, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

11. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Khoản mục	Cuối năm		Đầu năm	
Tiền mặt	1.138.130.999	(a)	1.414.241.630	
Tiền gửi ngân hàng	2.580.083.684	(b)	5.420.144.241	
Các khoản tương đương tiền	30.750.000.000	(c)	48.700.000.000	
Cộng	<u>34.468.214.683</u>		<u>55.534.385.871</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	Số tiền
- Tiền quỹ tại Văn phòng Công ty	34.161.351
- Tiền quỹ tại Phân Xưởng Thới Thạnh	392.943.000
- Tiền quỹ tại Xí nghiệp Bao bì	711.026.648
Cộng	1.138.130.999

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Ngân hàng	USD	Quy đổi ra VND	VND	Tổng cộng VND
Văn phòng Công ty	1.755,19	37.210.015	1.287.367.848	1.324.577.863
- Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ	353,29	7.489.748	28.687.563	36.177.311
- Ngân hàng VIB, CN Cần Thơ	143,09	3.033.508	1.126.344.390	1.129.377.898
- Ngân hàng SHB, CN Cần Thơ	189,08	4.008.496	82.857.941	86.866.437
- Ngân hàng An Bình, CN Cần Thơ	533,05	11.300.660	5.298.492	16.599.152
- Ngân hàng Công thương Việt Nam	305,89	6.484.864	38.084.392	44.569.256
- Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	230,79	4.892.739	6.095.070	10.987.809
Xí nghiệp Bao bì	-	-	1.255.505.821	1.255.505.821
- Ngân hàng VCB, CN Cần Thơ	-	-	1.255.505.821	1.255.505.821
Cộng	1.755,19	37.210.015	2.542.873.669	2.580.083.684

(c) Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2014, cụ thể như sau:

Ngân hàng	USD	Quy đổi ra VND	VND	Tổng cộng VND
Văn phòng Công ty	-	-	30.750.000.000	30.750.000.000
- Ngân hàng VIB, CN Cần Thơ	-	-	10.800.000.000	10.800.000.000
- Ngân hàng SHB, CN Cần Thơ	-	-	19.950.000.000	19.950.000.000
Cộng	-	-	30.750.000.000	30.750.000.000

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	22.373.310.283 (d)	15.394.254.674
Trả trước cho người bán	2.428.800.000 (e)	10.485.262.375
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.300.266.618) (f)	(3.500.266.618)
Cộng	21.501.843.665	22.379.250.431

(d) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	USD	VND	Tương đương VND	Trong đó nợ khó đòi
Văn phòng Công ty	430.447,50	9.628.466.100	18.773.753.685	-
- CN Cty CP Tập đoàn Dabaco VN	-	5.590.000.000	5.590.000.000	-
- DNTN Hòa Nam	-	2.650.000.000	2.650.000.000	-
- Tổng Công ty LT Miền Nam	430.447,50	-	9.145.287.585	-
- Các khách hàng khác	-	1.388.466.100	1.388.466.100	-
Xí nghiệp Bao bì	-	3.599.556.598	3.599.556.598	1.554.266.618
- Công ty TNHH XNKTS Thiên Mã	-	57.302.130	57.302.130	57.302.130
- Công ty TNHH Kwong Lung Meko	-	1.441.108.568	1.441.108.568	-
- Công ty TNHH XNKTS Kim Ngự	-	769.737.096	769.737.096	769.737.096
- Công ty TNHH TS Trường Nguyên	-	674.595.392	674.595.392	674.595.392

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khách hàng	USD	VND	Tương đương VND	Trong đó nợ khó đòi
- Công ty TNHH Vĩnh Nguyên	-	52.632.000	52.632.000	52.632.000
- Công ty CP May thêu Lai Vung	-	285.543.511	285.543.511	-
- Các khách hàng khác	-	318.637.901	318.637.901	-
Cộng	430.447,50	13.228.022.698	22.373.310.283	1.554.266.618

(e) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
Văn phòng Công ty	2.428.800.000	1.746.000.000
- Công ty TNHHLD Giày da xuất khẩu Tây Đô	1.746.000.000	1.746.000.000
- Nguyễn Nhật Điền	240.000.000	-
- Huỳnh Minh Tâm	300.000.000	-
- Đầu tư lúa giống	142.800.000	-
Cộng	2.428.800.000	1.746.000.000

(f) Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	Nợ khó đòi	Số đã trích lập dự phòng	Số chưa trích lậ dự phòng
Văn phòng Công ty	1.746.000.000	1.746.000.000	-
- Công ty TNHHLD Giày da xuất khẩu Tây Đô	1.746.000.000	1.746.000.000	-
Xí nghiệp Bao Bì	1.554.266.618	1.554.266.618	-
- Công ty TNHH XNKTS Thiên Mã	57.302.130	57.302.130	-
- Công ty TNHH XNKTS Kim Ngự	769.737.096	769.737.096	-
- Công ty TNHH TS Trường Nguyên	674.595.392	674.595.392	-
- Công ty TNHH Vĩnh Nguyên	52.632.000	52.632.000	-
Cộng	3.300.266.618	3.300.266.618	-

3. Hàng tồn kho

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên vật liệu tồn kho	2.904.732.641 (g)	3.374.428.737
Thành phẩm tồn kho	51.871.781.303 (h)	38.047.968.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	54.776.513.944	41.422.397.399

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(g) Chi tiết số dư nguyên vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
Xí nghiệp bao bì	
- Nguyên vật liệu chính	2.602.804.809
- Vật liệu phụ	156.062.323
- Nhiên liệu	145.865.509
Cộng	2.904.732.641

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(h) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Tồn kho lương thực - Phân Xưởng Thới Thạnh	51.871.781.303
Cộng	51.871.781.303

4. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	781.449.662	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	84.030.038 (i)	80.752.538
Tài sản ngắn hạn khác	210.291.268 (j)	384.367.627
Cộng	1.075.770.968	465.120.165

(i) Chi tiết số dư thuế và các khoản phải thu Nhà nước tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Thuế TNDN	80.752.538
- Thuế TNCN	3.277.500
Cộng	84.030.038

(j) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Tạm ứng của Văn phòng Công ty	203.004.828
- Tạm ứng của Xí nghiệp bao bì	7.286.440
Cộng	210.291.268

5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

5.1 Tăng giảm TSCĐ hữu hình - Công ty

Loại tài sản	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá	47.228.199.511	722.934.631	462.206.456	47.488.927.686
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.009.351.819	176.164.545	462.206.456	21.723.309.908
- Máy móc thiết bị	23.804.605.442	546.770.086	-	24.351.375.528
- PT vận tải, TB truyền dẫn	956.503.450	-	-	956.503.450
- Thiết bị quản lý	457.738.800	-	-	457.738.800
Hao mòn lũy kế	10.986.740.173	4.255.414.481	177.158.385	15.064.996.269
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.870.396.254	1.490.635.408	177.158.385	6.183.873.367
- Máy móc thiết bị	5.598.588.755	2.588.000.051	-	8.186.588.806
- PT vận tải, TB truyền dẫn	424.377.165	119.562.932	-	543.940.097
- Thiết bị quản lý	93.377.999	57.216.000	-	150.593.999
Giá trị còn lại	36.241.459.338			32.423.931.417
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.138.955.565			15.539.436.541
- Máy móc thiết bị	18.206.016.687			16.164.786.722
- PT vận tải, TB truyền dẫn	532.126.285			412.563.353
- Thiết bị quản lý	364.360.801			307.144.801

- Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp cầm cố các khoản nợ vay: Toàn bộ TSCĐ đã được Công ty thế chấp vay ngân hàng.
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 chờ thanh lý: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng tại Văn phòng Công ty trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
TSCĐ tăng do mua sắm	
- Bộ đài và thùng chứa lương thực lúa gạo	205.000.000
- Trạm biến áp 320KVA	341.770.086
- Nhà kho tiền chế	176.164.545
Cộng	722.934.631

• Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm tại Văn phòng Công ty trong năm 2014 như sau:

	Số tiền
- Bàn giao kho cho Bia Sài Gòn	341.739.000
- Thanh lý máy biến áp	120.467.456
Cộng	462.206.456

5.2 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình – Xí nghiệp bao bì

Loại tài sản	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá	8.124.629.245	-	-	8.124.629.245
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.734.960.727	-	-	1.734.960.727
- Máy móc thiết bị	6.054.668.518	-	-	6.054.668.518
- PT vận tải, TB truyền dẫn	335.000.000	-	-	335.000.000
Hao mòn lũy kế	3.553.185.483	614.295.125	51.457.223	4.116.023.385
- Nhà cửa, vật kiến trúc	698.692.143	136.864.496	-	835.556.639
- Máy móc thiết bị	2.618.810.018	445.514.279	51.457.223	3.012.867.074
- PT vận tải, TB truyền dẫn	235.683.322	31.916.350	-	267.599.672
Giá trị còn lại	4.571.443.762			4.008.605.860
- Nhà cửa, vật kiến trúc	1.036.268.584			899.404.088
- Máy móc thiết bị	3.435.858.500			3.041.801.444
- PT vận tải, TB truyền dẫn	99.316.678			67.400.328

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình – Công ty

Loại tài sản	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá	11.093.886.000	-	-	11.093.886.000
- Quyền sử dụng đất	11.093.886.000	-	-	11.093.886.000
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	11.093.886.000			11.093.886.000
- Quyền sử dụng đất	11.093.886.000			11.093.886.000

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	3.902.544.457 (k)	3.902.544.457
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8.233.043.410 (l)	8.233.043.410
Đầu tư dài hạn khác	1.600.000.000 (m)	1.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.902.544.457) (n)	(3.902.544.457)
Cộng	9.833.043.410	9.833.043.410

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(k) Chi tiết số dư đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
Công ty LDTNHH sản xuất Giày da XK Tây Đô	
- Công ty LDTNHH sản xuất Giày da XK Tây Đô – giá gốc	3.070.761.000
- Công ty LDTNHH sản xuất Giày da XK Tây Đô – tăng do đánh giá lại	831.783.457
Cộng	3.902.544.457

(l) Chi tiết số dư đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
Công ty Cổ phần May Meko	4.838.100.000
- Công ty Cổ phần May Meko – giá gốc	3.225.400.000
- Công ty Cổ phần May Meko – tăng do đánh giá lại	1.612.700.000
Công ty TNHH Thủ công Mỹ nghệ meko	1.894.943.410
- Công ty TNHH Thủ công Mỹ nghệ Meko - giá gốc	1.450.800.000
- Công ty TNHH Thủ công Mỹ nghệ Meko – tăng do đánh giá lại	444.143.410
Công ty TNHH SXTMBB Giấy Nam Hưng Phát	1.500.000.000
Cộng	8.233.043.410

(m) Chi tiết số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
Công ty Cổ phần Da Tây Đô	
- Công ty CP Da Tây Đô – giá gốc	1.600.000.000
Cộng	1.600.000.000

(n) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

Đơn vị đầu tư	Giá trị đầu tư	Số đã trích lập dự phòng	Số chưa trích lập dự phòng
- Công ty TNHH LDSXGDXK Tây Đô	3.902.544.457	3.902.544.457	-
Cộng	3.902.544.457	3.902.544.457	-

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty TNHH Liên doanh sản xuất Giày da Xuất khẩu Tây Đô, được trích lập dự phòng 100% do tình hình tài chính của Công ty con tại ngày 31/12/2014 đã bị âm vốn, mất khả năng thanh khoản và đã tạm ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	355.885.129 (o)	68.323.507
Cộng	355.885.129	68.323.507

(o) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Giá trị CCDC chờ phân bổ	355.885.129
Cộng	355.885.129

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Vay ngắn hạn

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	26.770.176.983 (p)	39.514.760.639
Cộng	26.770.176.983	39.514.760.639

(p) Chi tiết số dư khoản vay ngắn hạn vào ngày 31/12/2014 như sau:

Ngân hàng	USD	VND	Tương đương VND
- Ngân hàng VIP, CN Cần Thơ	256.501,00	2.000.000.000	7.437.821.200
- Ngân hàng Vietinbank, CNCT	909.929,20	-	19.332.355.783
Cộng	1.166.430,20	2.000.000.000	26.770.176.983

10. Người mua trả tiền trước

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	1.795.647.590 (q)	1.264.530.885
Người mua trả tiền trước	212.460.000 (r)	1.433.169.093
Cộng	2.008.107.590	2.697.699.978

(q) Chi tiết số dư phải trả người bán vào ngày 31/12/2014 như sau:

Nhà cung cấp	USD	VND	Tương đương VND
Xí nghiệp Bao bì	-	1.795.647.590	1.795.647.590
- Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	-	649.303.490	649.303.490
- Công ty TNHH SXTMBBG Nam Hưng Phát	-	839.119.600	839.119.600
- Công ty TNHH SXTM Tân Hưng	-	247.824.500	247.824.500
- Các nhà cung cấp khác	-	59.400.000	59.400.000
Cộng	-	1.795.647.590	1.795.647.590

(r) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước vào ngày 31/12/2014 như sau:

Khách hàng	USD	VND	Tương đương VND
Văn phòng Công ty	10.000,00	-	212.460.000
Khách hàng nước ngoài	10.000,00	-	212.460.000
- Olam International Ltd. Singapore	10.000,00	-	212.460.000
Cộng	10.000,00	-	212.460.000

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT	59.356.946	143.428.059
Cộng	59.356.946	143.428.059

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Khoản mục	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	97.200.799 (s)	198.970.464
Cộng	97.200.799	198.970.464

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(s) Chi tiết số dư khoản phải trả khác vào ngày 31/12/2014 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP An Bình, CN Cần Thơ	60.000.000
- Cổ tức phải trả	37.200.799
Cộng	97.200.799

13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.000.000.000	-	-	110.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	16.692.525.692	214.205.126	-	16.906.730.818
- Quỹ dự phòng tài chính	2.200.000.000	94.070.662	-	2.294.070.662
- Lợi nhuận ST chưa PP	9.575.413.238	1.857.807.218	565.612.728	10.867.607.728
Cộng	138.467.938.930	2.166.083.006	565.612.728	140.068.409.208

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

Chi tiết số dư vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2014 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	10.814.450	108.144.500.000	98,31%
- Cổ đông khác	185.550	1.855.500.000	1,69%
Cộng	11.000.000	110.000.000.000	100,00%

(a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	110.000.000.000	110.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(b) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(c) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	11.000.000	11.000.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	11.000.000	11.000.000
▪ Cổ phiếu thường	11.000.000	11.000.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
▪ Cổ phiếu thường	11.000.000	11.000.000
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Tỷ lệ lãi gộp
- DT bán thành phẩm lương thực	473.942.687.446	458.817.023.037	15.125.664.409	3,19%
- DT bán thành phẩm bao bì	15.453.781.955	14.808.599.185	645.182.770	4,17%
- DT bán hàng hóa	20.525.800	19.703.000	822.800	4,01%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.597.533.853	5.180.953.200	(1.583.419.347)	(44,01)%
Doanh thu thuần	493.014.529.054	478.826.278.422	14.188.250.632	2,88%

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Công ty	3.451.340.708	7.731.837.079
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.938.971.070	2.930.951.808
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	497.772.846	589.422.946
- Hỗ trợ lãi vay	-	2.629.199.000
- Lãi đầu tư góp vốn	805.080.000	886.350.000
- Lãi cho vay (*)	-	695.913.325
- Thu nhập tài chính khác	209.516.792	695.913.325
Xí nghiệp Bao bì	1.363.659.898	1.220.173.549
- Lãi tiền gửi ngân hàng	4.059.898	9.673.549
- Lãi đầu tư góp vốn	1.359.600.000	1.210.500.000
Cộng	4.815.000.606	8.952.010.628

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Công ty	2.253.233.150	2.086.375.468
- Chi phí lãi vay	2.171.296.605	2.086.375.468
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	81.936.545	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
Xí nghiệp Bao bì	703.879.584	699.058.637
- Chi phí lãi vay (*)	700.990.654	695.913.325
- Chi phí tài chính khác	2.888.930	3.145.312
Cộng	2.957.112.734	2.785.434.105

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Trong đó, khoản Công ty vay hộ cho Xí nghiệp đã được Công ty ghi giảm chi phí lãi vay tại Công ty

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty	10.046.302.303	13.801.697.332
- Chi phí vật liệu bao bì	4.494.943.300	3.985.328.090
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.929.829.871	8.868.584.492
- Chi phí bằng tiền khác	621.529.132	947.784.750
Xí nghiệp Bao bì	-	-
Cộng	10.046.302.303	13.801.697.332

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty	5.821.483.991	5.982.044.989
- Chi phí nhân viên quản lý	2.971.669.579	3.161.754.748
- Chi phí vật liệu quản lý	486.734.593	755.680.421
- Chi phí khấu hao TSCĐ	655.414.481	789.197.802
- Thuế, phí và lệ phí	773.608.371	883.366.044
- Chi phí dự phòng	(200.000.000)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.719.717	239.228.048
- Chi phí bằng tiền khác	224.337.250	152.817.926
Xí nghiệp Bao bì	878.566.921	1.157.965.501
- Chi phí nhân viên quản lý	533.303.880	608.680.800
- Thuế, phí và lệ phí	9.064.792	8.961.992
- Chi phí dự phòng	-	251.859.522
- Chi phí bằng tiền khác	336.198.249	288.463.187
Cộng	6.700.050.912	7.140.010.490

6. Thu nhập khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty	2.843.070.000	1.689.516.428
- Thanh lý TSCĐ	2.843.070.000	136.363.636
- Xử lý nợ không phải trả	-	1.553.152.792
Cộng	2.843.070.000	1.689.516.428

7. Chi phí khác

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty	285.048.071	95.454.636
- Chi thanh lý TSCĐ	285.048.071	95.454.636
Xí nghiệp Bao bì	-	-
Cộng	285.048.071	95.454.636

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán trước thuế – Công ty	2.790.188.255
Lỗ kế toán trước thuế – Xí nghiệp Bao bì	(932.381.037)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.857.807.218
Trừ các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	2.164.680.000
- Cổ tức được chia từ góp vốn năm 2014	2.164.680.000
Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	-
Lợi nhuận tính thuế	(306.872.782)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	1.857.807.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2014	9.575.413.238
Phân phối lợi nhuận	
- Chi thù lao HĐQT và BKS	6.000.000
- Chi khác từ lợi nhuận sau thuế	4.199.490
- Trích quỹ ĐTPT	214.205.126
- Trích quỹ DPTC	94.070.662
- Trích quỹ KTPL	247.137.450
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014	10.867.607.728

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận sau thuế	1.857.807.218	1.881.413.238
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	11.000.000	11.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	169	171

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không có

Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

- Những thông tin về hoạt động liên tục:

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn.

- Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2014, các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

Bên liên quan	Địa chỉ	Quan hệ
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất giày da Xuất khẩu Tây Đô	Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần may Mê Kô	Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủ công Mỹ Nghệ Mê Kô	Cần Thơ	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc vào ngày 31/12/2014

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Địa chỉ	Quan hệ
Công ty TNHH SXTMBB Giấy Nam Hưng Phát	Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Da Tây Đô	Cần Thơ	Đầu tư khác

Số dư và nghiệp vụ phát sinh với các bên liên quan:

Bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất giày da Xuất khẩu Tây Đô	Trả trước cho người bán	1.746.000.000
	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.746.000.000
Công ty Cổ phần may Mê Kô	Cổ tức	645.080.000
Công ty TNHH SXTMBB Giấy Nam Hưng Phát	Cổ tức	1.359.600.000
Công ty Cổ phần Da Tây Đô	Cổ tức	160.000.000

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính 2013 đã được kiểm toán.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đvt	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	65,96	65,97
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34,04	34,03
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	17,38	23,76
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	82,62	76,24
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,75	4,21
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,79	2,78
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,17	1,29
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	0,37	0,38
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,37	0,38
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,10	1,04
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,10	1,04
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	1,33	1,36

Cần Thơ, ngày 02 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu: 
Kế toán trưởng: 
Giám đốc: 
NGUYỄN MINH PHƯỢNG NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG LÊ VĂN LUNG